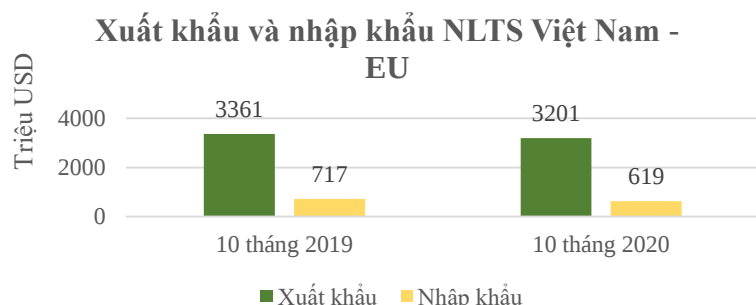


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



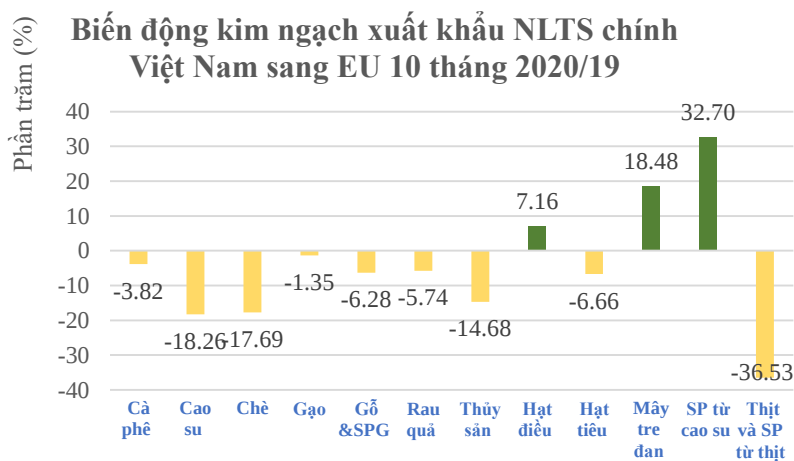
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

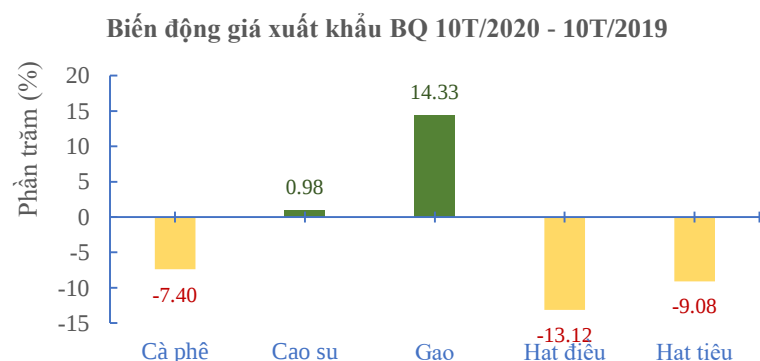
(10T/2020 - 10T/2019)

Xuất khẩu	▼ 4,42%
Nhập khẩu	▼ 13,67 %



So sánh 10T/2020 với 10T/2019

Cà phê	▼ 3,82 %
Cao su	▼ 18,26 %
Chè	▼ 17,69 %
Gạo	▼ 1,35 %
Gỗ và SP Gỗ	▼ 6,28 %
Rau quả	▼ 5,74%
Thủy sản	▼ 14,68%
Hạt điều	▲ 7,16%
Hạt tiêu	▼ 6,66%
Mây tre đan	▲ 18,48 %
SP từ cao su	▲ 32,7%
Thịt và SP từ thịt	▼ 36,53%



So sánh giá xuất khẩu 10T/2020 - 10T/2019

Cà phê	▼ 7,4 %
Cao su	▲ 0,98 %
Gạo	▲ 14,33%
Hạt điều	▼ 13,12%
Hạt tiêu	▼ 9,08 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Các nền kinh tế thuộc Eurozone đã suy giảm tăng trưởng tới 11,8% trong quý II/2020, sau khi “con bão” Covid-19 hồi đầu năm. Sau khi các quốc gia không chế được đại dịch, kinh tế châu Âu nói chung và Eurozone nói riêng đã phục hồi tăng trưởng, đạt mức 8,2% trong quý III vừa qua. Tuy nhiên, khi dịch Covid-19 bùng phát mạnh trở lại những tuần gần đây, kinh tế châu Âu lại đối mặt nguy cơ lún sâu vào khủng hoảng. Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đang rơi vào suy thoái kép lần đầu tiên trong gần 10 năm, và mặc dù dự kiến gói kích thích tài chính bổ sung lên tới 500 tỷ euro, khả năng phục hồi vào năm 2021 được xem là khó có thể xảy ra. Lạm phát của khu vực Eurozone ở mức tiêu cực trong tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 10/2020, do giá năng lượng thấp hơn khoảng 8% so với một năm trước đó. Lạm phát ở 19 quốc gia sử dụng đồng tiền chung euro đã cộng thêm 0,2% so với tháng 9 trong tháng 10, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái, cùng mức giảm hàng năm so với tháng 9 và phù hợp với ước tính ban đầu được công bố vào đầu tháng 11. Trong toàn khu vực Eurozone, lạm phát cao nhất là 1,6% ở Slovakia, tiếp theo là 1,2% ở Hà Lan và 1,1% ở Áo. Mức giảm mạnh nhất ở Hy Lạp là 2,0%, Estonia là 1,7% và 1,5% ở Ireland. Tại các nền kinh tế lớn nhất và lớn thứ ba của khối, Đức và Ý, lạm phát ở mức âm. Lạm phát chỉ tăng 0,1% ở Pháp, nền kinh tế lớn thứ hai của khu vực Eurozone. Theo các chuyên gia kinh tế tham gia cuộc khảo sát do hãng tin Reuters tiến hành, trong bối cảnh phần lớn các nước châu Âu đang chật vật không chế tốc độ lây nhiễm tăng đột biến dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19, nền kinh tế Eurozone sẽ giảm 2,5% trong quý cuối cùng của năm 2020 sau khi tăng kỷ lục 12,3% trong quý III. Sang quý I/2021, kinh tế Eurozone được dự báo tăng 0,8%, thấp hơn mức dự báo tăng 1% đưa ra tháng trước. Nền kinh tế Eurozone sẽ phải chứng kiến một cuộc suy thoái kép trong quý IV/2020.

Về xuất khẩu của Việt Nam và EU: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU là thủy sản, hạt điều, cà phê, gỗ và các sản phẩm gỗ. EVFTA chính thức thực thi vào đầu tháng 8/2020 đã tạo ra nhiều cơ hội xuất khẩu cho các sản phẩm nông sản của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu NLTS tháng 10 tăng 14,39 % so với tháng trước, đạt tổng cộng 326 triệu USD, tăng 3,86% so với cùng kỳ. So với tháng 9/2020, hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, đặc biệt là gạo tăng 177%, rau quả tăng 52%, cao su tăng 44%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 38%, hạt tiêu và mây tre đan tăng 27%, chỉ có 3 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thịt và các sản phẩm thịt giảm 48%, cà phê giảm 8%, hạt điều giảm 3%. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng hầu hết đều tăng so với cùng kỳ so với cùng kỳ, tăng cao nhất là sản phẩm từ cao su tăng 77%, tiếp đến là chè 66%, gạo 61%, mây tre đan tăng 48%, chỉ có 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ là thịt và sản phẩm thịt và hạt điều với mức giảm lần lượt là 60% và 18% (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2020, Ủy ban Châu Âu tuyên bố Bỉ không có bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (ASF), một năm sau khi phát hiện lần cuối cùng về bệnh nhiễm trùng ASF. Bỉ trở thành Quốc gia thành viên EU thứ hai, sau Cộng hòa Séc vào năm 2019, xóa sổ căn bệnh này và lấy lại tư cách xuất khẩu. Quyết định này của EU mở ra cánh cửa cho các nhà xuất khẩu thịt lợn của Bỉ tìm kiếm sự chấp thuận xuất khẩu sang thị trường nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc và các nước châu Á khác. Ngành công nghiệp thịt lợn của Bỉ đã phải đối mặt với những tổn thất nghiêm trọng trong những năm qua sau khi bùng phát dịch ASF, sự xuất hiện của cuộc khủng hoảng COVID-19 và sự bùng phát của ASF tại thị trường xuất khẩu đầu tiên của họ là Đức.

Bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Cúm gia cầm có khả năng gây bệnh cao và COVID-19 trong các đợt bùng phát dịch chôn ở Châu Âu đang tiến gần đến biên giới Séc. Ủy ban Kiểm soát Dịch bệnh Trung ương của Cộng hòa Séc đã phản ứng bằng cách đưa ra các biện pháp phòng ngừa mới, bao gồm việc thành lập một khu săn bắn tập trung, một khoản thưởng mới cho việc giết lợn rừng và tăng khoản thưởng đã có cho việc báo cáo một phát hiện một con lợn rừng chết.

Bộ Nông nghiệp, Thiên nhiên và Chất lượng Thực phẩm Hà Lan đã báo cáo sáu phát hiện về bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) tại các trang trại gia cầm thương mại ở Hà Lan. Cho đến nay, HPAI chưa được phát hiện trong khu vực sản xuất gia cầm chính ở Tỉnh Gelderland. Tuy nhiên, hai thị trường xuất khẩu thịt gia cầm hàng đầu của Hà Lan là Philippines và Ghana đều đã áp đặt các lệnh cấm thương mại. Trong khi đó, vào ngày 17 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Nông nghiệp Thụy Điển đã báo cáo một phát hiện về vi rút cúm gia cầm độc lực cao trên một trang trại gia cầm thương mại. Ngành chăn nuôi gia cầm của Thụy Điển chỉ xuất khẩu một lượng nhỏ thịt gà thịt sang các nước ngoài EU.

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Thú y và Thực phẩm Đan Mạch (DVFA) đã báo cáo phát hiện đầu tiên về vi rút cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) tại một trang trại chăn nuôi gia cầm thương mại. DVFA tuyên bố rằng phát hiện HPAI gần đây có nghĩa là xuất khẩu gia cầm và trứng sang một số nước ngoài EU sẽ bị dừng lại trong ít nhất ba tháng. Vào mùa hè năm 2020, các trang trại nuôi chồn hương đầu tiên ở Bắc Jutland đã bị nhiễm coronavirus (COVID19). Để đối phó, chính phủ Đan Mạch đã thiết lập nhiều biện pháp khác nhau để ngăn chặn virus lây lan. Bất chấp những nỗ lực của Chính phủ, vi rút vẫn tiếp tục lây lan và đột biến. Vào đầu tháng 11, vi rút đã lây lan đến 216 trang trại trên khắp Jutland khiến Chính phủ Đan Mạch quyết định tiêu hủy toàn bộ đàn chồn (khoảng 17 triệu con).

Ba Lan là nhà sản xuất thịt gà tây lớn nhất của Liên minh Châu Âu (EU). Năm 2019, Ba Lan xuất khẩu 227.003 tấn thịt gà tây, trị giá 730 triệu USD. Ước tính rằng sản lượng thịt gà tây năm 2020 sẽ tăng 1% so với năm 2019. Đại dịch COVID-19 và dịch cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) bùng phát vào đầu năm 2020 có thể sẽ giảm sản lượng trong giai đoạn

nửa cuối năm 2020. Các thị trường xuất khẩu chính trong EU là Đức, Tây Ban Nha và Anh. Các thị trường chính ngoài EU là Trung Quốc và Ukraine.

Ngành sữa Tây Ban Nha tiếp tục tăng lượng sữa cung cấp và tỷ lệ sữa trên mỗi con bò. Năm 2020, tổng sản lượng sữa bò của Tây Ban Nha tăng nhẹ lên 7,3 triệu tấn bất chấp cuộc khủng hoảng COVID-19. Trong thời kỳ này, tiêu dùng các sản phẩm sữa của các hộ gia đình Tây Ban Nha tăng mạnh. Tuy nhiên, việc đóng cửa lĩnh vực khách sạn ở Tây Ban Nha và trên toàn thế giới theo các biện pháp liên quan đến COVID-19 đã ảnh hưởng đến nhu cầu trong nước và bên ngoài đối với pho mát có giá trị cao của Tây Ban Nha. Tuy nhiên, ngành công nghiệp sữa Tây Ban Nha dự kiến xuất khẩu sẽ phục hồi vào năm 2021.

Vào ngày 13 tháng 11, Ủy ban Châu Âu đã tiến hành tham vấn cộng đồng về ba trong số các luật liên quan đến khí hậu của mình: Quy chế sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp, Quy chế chia sẻ nỗ lực và Chỉ thị về hệ thống buôn bán khí thải của EU. Các đạo luật này đưa ra các mục tiêu ràng buộc về phát thải khí nhà kính đối với tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế EU bao gồm lâm nghiệp, nông nghiệp và giao thông. Với Thỏa thuận Xanh châu Âu, Ủy ban muốn sửa đổi các chính sách này và điều chỉnh chúng phù hợp với mục tiêu mới của EU về khí hậu vào năm 2050. Ngoài ra, vào ngày 17 tháng 11 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã tiến hành một cuộc tham vấn cộng đồng về đánh giá của EU của Chỉ thị Năng lượng tái tạo (REDII), theo đó xem xét việc điều chỉnh các mục tiêu REDII với Thỏa thuận Xanh Châu Âu và xem xét các tiêu chí bền vững đối với sinh khối lâm nghiệp đã được REDII đưa ra. Theo Thỏa thuận Xanh Châu Âu, mục tiêu Liên minh Châu Âu trở nên trung hòa về carbon vào năm 2050, mục tiêu hiện tại của EU là năm 2020 giảm 20% lượng phát thải khí nhà kính (GHG) so với mức của năm 1990 và giảm 40% vào năm 2030. Để đạt được mức độ trung tính carbon vào 2050, Ủy ban đã đề xuất giảm phát thải KNK 55% vào năm 2030. Để mà để đạt được mức giảm này, Liên minh Châu Âu sẽ cần tăng sản xuất và tiêu thụ năng lượng tái tạo. Ủy ban Châu Âu sẽ xem xét các tiêu chí về tính bền vững REDII sinh khối rừng để “giảm thiểu rủi ro về khí hậu và môi trường do tăng cường sử dụng các nguồn nhất định cho năng lượng sinh học. Thời hạn tham gia tham vấn đến ngày 9 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 9 tháng 11 năm 2020, Ủy ban Châu Âu áp đặt thuế quan bổ sung đối với danh sách các sản phẩm của Hoa Kỳ trong đó có nhiều mặt hàng nông sản sau phán quyết của WTO đối với các khoản trợ cấp của Hoa Kỳ đối với hãng sản xuất máy bay Boeing.

Ngày 30/11, Eurogroup- nhóm các Bộ trưởng Tài chính của khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone)- đã đạt đồng thuận về các biện pháp cải cách quan trọng đối với quỹ cứu trợ tài chính của khu vực. Sau khi cải cách, quỹ cứu trợ, được biết đến với tên gọi Cơ

chế bình ổn Châu Âu (ESM)¹, sẽ trở thành "cứ cánh tài chính" cho toàn khối sớm nhất là vào năm 2022. Cơ chế này cũng sẽ giúp tăng cường năng lực tài chính của khối cũng như tăng cường quyền giám sát các quốc gia gặp khó khăn. Các nước thành viên vốn đã thống nhất trên nguyên tắc về việc cải cách ESM, qua đó cho phép mở rộng trách nhiệm của ESM. Sau khi Eurogroup đạt đồng thuận, các biện pháp cải cách ESM sẽ được trình lên cho chính phủ các nước thông qua và các quốc hội phê chuẩn vào năm 2021 để mở đường cho ESM sửa đổi có hiệu lực vào năm 2022.

IMF cảnh báo kinh tế Eurozone sẽ chứng kiến một cú sốc lịch sử trong năm 2020. Theo đó, tăng trưởng kinh tế của Eurozone sẽ suy giảm 8,3% trong năm nay, một “cú rơi tự do” chưa từng thấy kể từ sau cuộc Đại suy thoái những năm 1930, tốc độ tăng trưởng GDP thực tế năm 2021 là 5,2%. Bên cạnh đó, IMF nhấn mạnh, kịch bản Anh và EU không đạt thỏa thuận thương mại trước ngày 31/12 tới “sẽ làm tăng cái giá phải trả đối với doanh nghiệp và làm đứt quãng các thỏa thuận sản xuất xuyên biên giới đang tồn tại”. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng, dự báo nói trên vẫn tích cực hơn mức dự báo hồi tháng 6 của IMF là suy giảm 10,2%.

Trong khi châu Âu vẫn chưa có giải pháp y tế hữu hiệu nào ngăn chặn đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại, IMF cảnh báo nền kinh tế Eurozone sẽ chỉ có thể đạt tăng trưởng 5,2% vào năm 2021, tức là yếu hơn mức 6% trong dự báo trước và thấp hơn 1% so dự báo trước đó của EU. IMF nhận định, tình hình dịch bệnh và kinh tế sẽ còn tệ hơn trong những tháng mùa đông tới. Các nền kinh tế tiên tiến phụ thuộc vào khu vực dịch vụ tiếp tục đối mặt với những thách thức to lớn do đại dịch gây ra. Sự sụt giảm trong chi tiêu của người tiêu dùng cho các hoạt động giải trí, dịch vụ ăn uống và du lịch là nguyên nhân dẫn đến phần lớn nhu cầu tiêu dùng giảm. Tỷ lệ tiết kiệm tiếp tục duy trì trên mức trước đại dịch, báo hiệu thận trọng tâm lý của người tiêu dùng. Tỷ lệ tiết kiệm cao có tiềm năng cho một sự phục hồi kinh tế lớn và nhanh chóng trong năm tới. Vì vậy, tổ chức này khuyến cáo các nước thành viên EU chi tiêu “mạnh tay” hơn để ngăn chặn các cú sốc kinh tế do dịch bệnh gây ra.

¹ ESM được thành lập năm 2012 nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng nợ tại khu vực, giúp các quốc gia như Hy Lạp thoát khỏi bờ vực phá sản. ESM dành cho các quốc gia thành viên những khoản vay ưu đãi để đổi lấy việc các nước phải thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh và củng cố tài chính công.

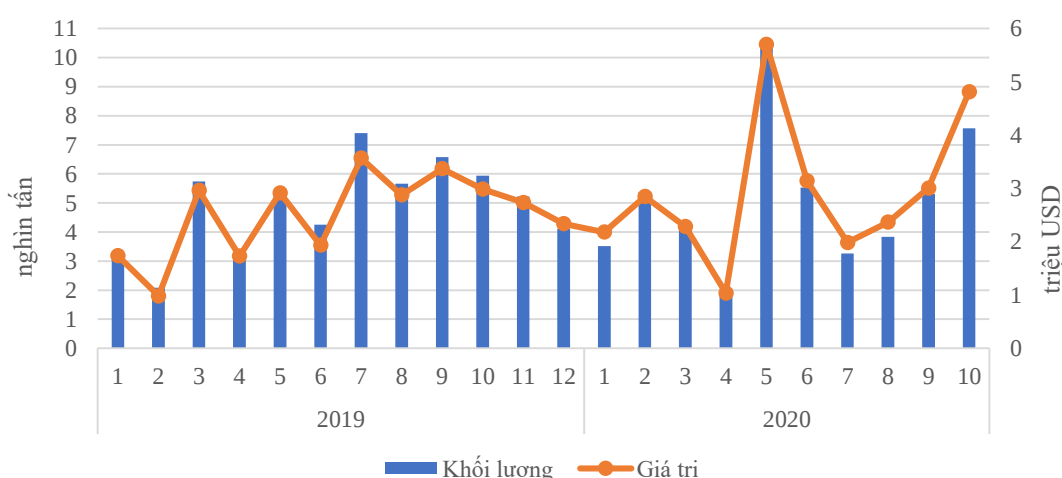
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 11/2020 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,4 triệu tấn, tăng 241 nghìn tấn so với năm ngoái. So với dự báo của tháng 10/2020, USDA đã tăng mức dự báo nhập khẩu của EU lên 100 nghìn tấn.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2020, Việt Nam xuất khẩu được 7,6 nghìn tấn gạo, trị giá 4,8 triệu USD sang thị trường EU, tăng 42,6% về khối lượng và 60,1% về giá trị so với tháng 9/2020, và tăng 27,4% về khối lượng và 61,2% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm đạt 50,9 nghìn tấn gạo và 29,4 triệu USD, tăng 3,2% về khối lượng nhưng tăng 17,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

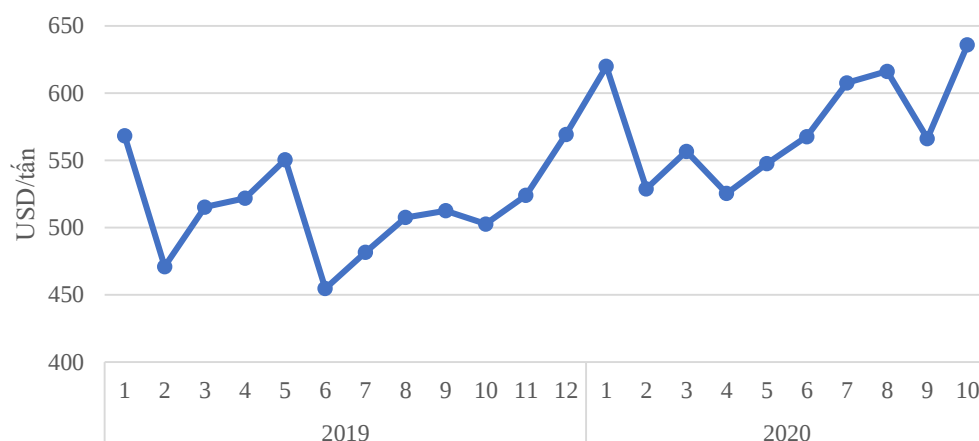
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

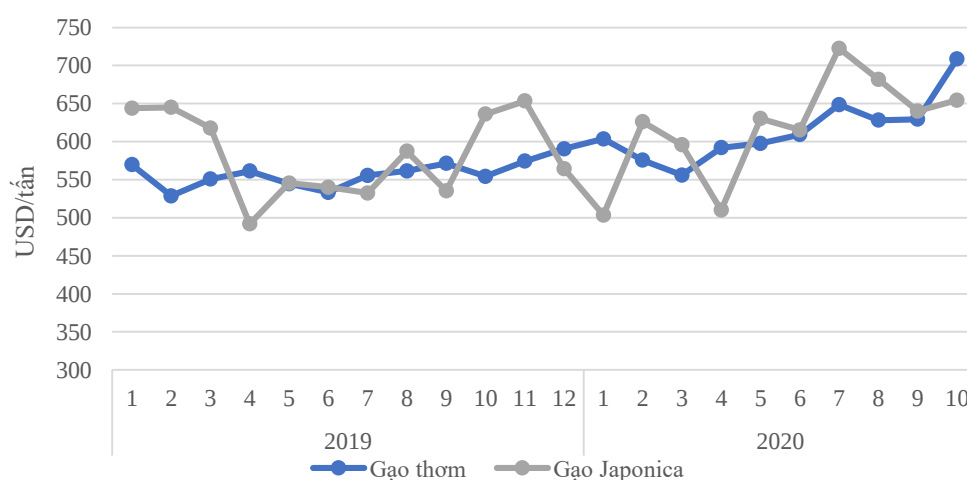
Trong tháng 10/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 6,5 nghìn tấn, trị giá 4,1 triệu USD (chiếm 85,6% về khối lượng và 84,8% về giá trị); so với tháng 9/2019, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 67,6% về khối lượng và 95,2% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo Japonica đạt 715 tấn, trị giá 411,8 nghìn USD (chiếm 9,4% về khối lượng và 8,6% về giá trị); so với tháng 10/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang EU đã tăng 314,7% về khối lượng và 299,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 10/2020 đạt 635,9 USD/tấn, tăng 12,3% so với tháng 9/2020 và 26,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường EU có xu hướng tăng giảm trái chiều trong tháng. Giá gạo thơm tháng 10/2020 đạt trung bình 708,7 USD/tấn, tăng 0,2% so với tháng 9/2020 và 10,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo Japonica đạt 654,5 USD/tấn, giảm 6,1% so với tháng 9/2020 nhưng tăng 19,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo Japonica sang EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty TNHH Lương thực - Thực phẩm Long An, và Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời. Ba công ty này lần lượt chiếm 32,5%, 22,4%, và 8,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 10/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh tăng 25,1%, Công ty TNHH Lương thực - Thực phẩm Long An không xuất khẩu trong tháng 10/2019, nhưng có xuất khẩu trong tháng 10/2020, và Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời tăng 8,0%.

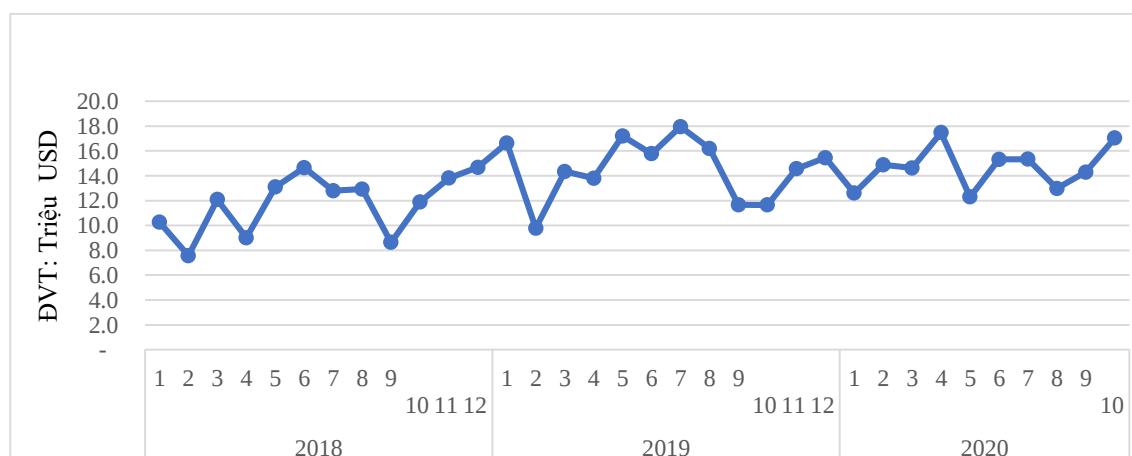
2. RAU QUẢ

Theo Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Thực phẩm Tây Ban Nha (MAPA), sản lượng sản lượng thu hoạch quýt clementines và mandarins Tây Ban Nha trong vụ 2020/2021 sẽ cao hơn 12% so với năm 2019/2020. Các loại quýt Clemenules hiện được thu hoạch và buôn bán phổ biến nhất. Mặc dù sản lượng năm nay có vẻ đang phục hồi, nhưng cần lưu ý rằng do điều kiện thời tiết năm nay, kích thước trái nhìn chung nhỏ hơn và ảnh hưởng tới sản lượng so với dự kiến ban đầu.

Thị trường cam quýt và trái cây có múi tại Ý có nhiều biến động, hiện giá bán các loại quýt từ 0,6 EUR/kg cho loại nhỏ đến 2 EUR/kg cho loại chất lượng cao nhất. Về sản lượng, vụ thu hoạch bắt đầu vào những ngày đầu tiên ở tháng 10 và kéo dài đến cuối tháng 12 ở Calabria. Thời tiết khô và nhiệt độ cao làm quýt chín nhanh hơn, nhưng nhu cầu thị trường giảm làm giá bán giảm.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 10 năm 2020 đạt 17 triệu USD, chiếm 7% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 19,2% so với tháng trước và tăng 46,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 11,6 triệu USD). Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu đạt 146,8 triệu USD, chiếm 5,4% thị phần và tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2019 (145 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

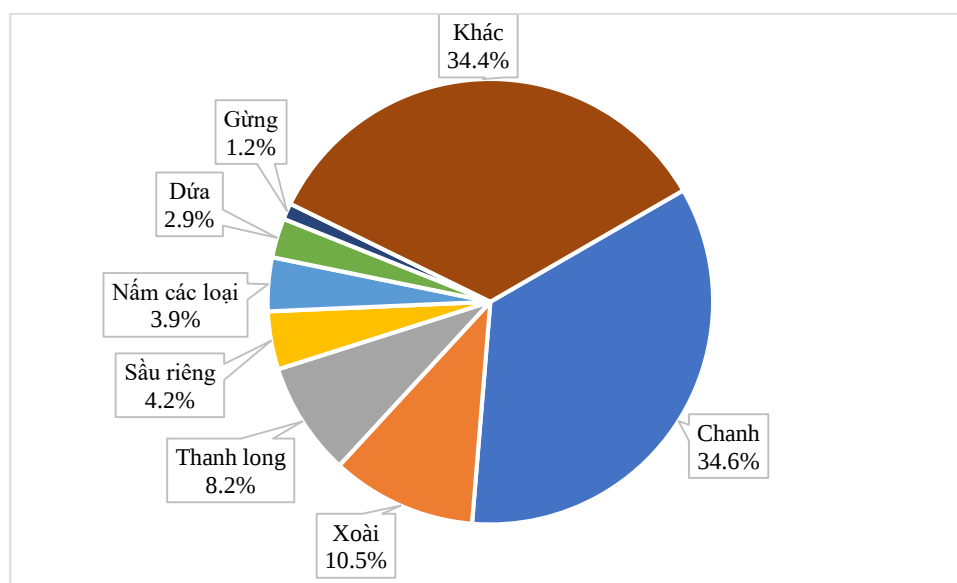


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 10 năm 2020 chủ yếu là trái cây (đạt 14,6 triệu USD, chiếm 85,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 46,3% (so cùng kỳ 2019 là 50%), trái cây chế biến chiếm 39,2% (cùng kỳ 2019 là 26,7%). Mặt hàng rau đạt 2,5 triệu USD (chiếm 14,5%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 12,3% (năm 2019 là 16,5%), rau chế biến chiếm 2,2% (năm 2019 là 6,9%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 10/2020 bao gồm chanh đạt 5,9 triệu USD (chiếm 34,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 95,9% so với cùng kỳ năm 2019); xoài đạt 1,8 triệu USD (chiếm 10,5%, tăng 203%); thanh long đạt 1,4 triệu USD (chiếm 8,2%, tăng 54,5%); sầu riềng đạt 717,3 nghìn USD (chiếm 4,2%, tăng 15,9%); nầm các loại đạt 633,6 nghìn USD (chiếm 3,9%, tăng 37,1%); dứa đạt 487,7 nghìn USD (chiếm 2,9%, tăng 119,8%); ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 10/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2020, rau quả chế biến đạt 7,1 triệu USD (chiếm 33,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 80,3% so với cùng kỳ 2019 (đạt 3,9 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 74,2%, tăng 285,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 16,1% (giảm 31,2%); (iii) Mứt rau quả (mã HS.2006) chiếm 2,4% (tăng 258,9%); (iv) Trái cây ngâm, cô đặc, mứt dẻo (mã HS.2007) chiếm 2,2% (tăng 63,4%); ...

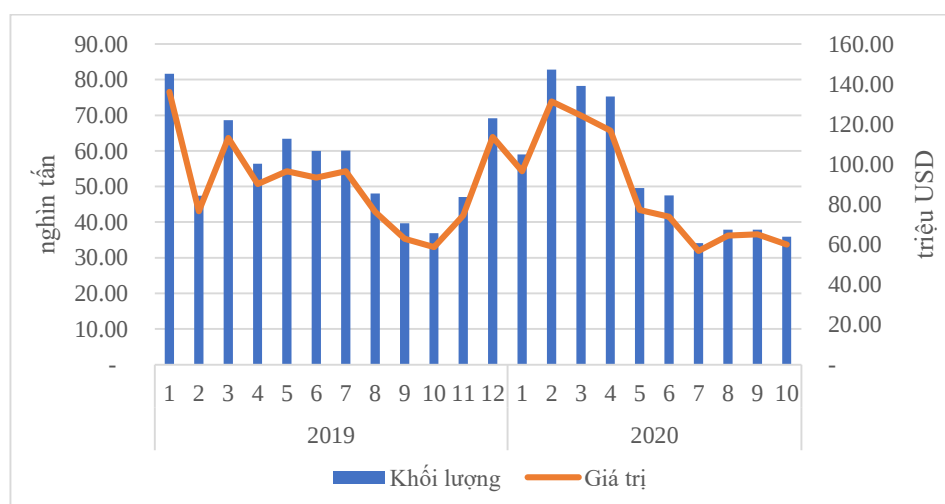
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 10 năm 2020 đạt 3,1 triệu USD, chiếm 2,8% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 50,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 6,3 triệu USD). Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 24,6 triệu USD, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2019 (30,8 triệu USD). Trong tháng 10/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 975,5 nghìn USD (chiếm 31%, giảm 34,1%); táo đạt 812,7 nghìn USD (chiếm 25,8%, giảm 72,4%); tỏi đạt 589,3 nghìn USD (chiếm 18,7%, cao gấp 16 lần so với cùng kỳ năm 2019); ...

Trong tháng 10/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty Nafoods Group, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II và Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao với giá trị xuất khẩu lần lượt là 1,6 triệu USD (chiếm 9,1% tổng giá trị xuất khẩu); 1,4 triệu USD (chiếm 7,6%); 1,2 triệu USD (chiếm 7,2%). So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty Nafoods Group cao gấp 94 lần, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 10,8% và Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao tăng 296,7%.

3. CÀ PHÊ

Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại thị trường EU trong những tháng còn lại của năm 2020 tiếp tục giảm do kinh tế khó khăn. Theo đó, trong tháng 10/2020, Việt Nam xuất khẩu 35,8 nghìn tấn cà phê sang Châu Âu, giá trị 59,7 triệu USD, giảm 5,3% về khối lượng và giảm 7,9% về giá trị so với tháng 9/2020; so với cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu cà phê giảm 2,7% về khối lượng nhưng tăng 2,1% về giá trị. Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 537,1 nghìn tấn và đạt 863,8 triệu USD, giảm 4,3% về khối lượng và giảm 3,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



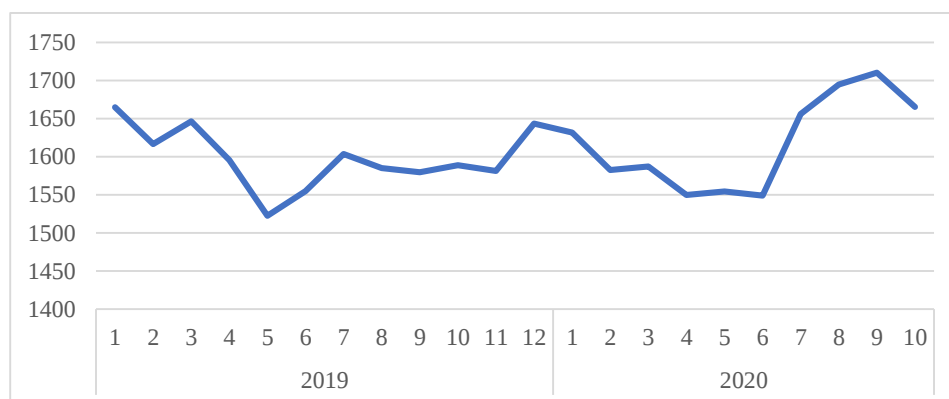
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại EU bao gồm Đức (chiếm tỷ trọng 39,4%, đạt khối lượng 14,1 nghìn tấn), Ý (chiếm tỷ trọng 29,5%, đạt khối lượng 10,5 nghìn tấn), Tây Ban Nha (chiếm tỷ trọng 9,6%, đạt khối lượng 3,4 nghìn tấn)... Tháng 10/2020, xuất khẩu cà phê các thị trường giảm so với tháng 10/2019 như Ý (giảm 0,9%, đạt 17,1 triệu USD), Tây Ban Nha (giảm 51,2%, đạt 6,6 triệu USD). Ngược lại, xuất khẩu cà phê sang các thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2019. Cụ thể, Bỉ (tăng 82,3%, đạt 7,1 triệu USD), Đức (tăng 67,9%, đạt 23 triệu USD), và Đan Mạch (tăng 12,1%, đạt 124,5 nghìn USD). Bỉ là trung tâm thương mại cà phê tại Châu Âu và là nước nhập khẩu cà phê nhân xanh trực tiếp từ các nước sản xuất lớn thứ 3 tại Châu Âu. Vai trò quan trọng của Bỉ là một nhà nhập khẩu và tái xuất cà phê chủ yếu dựa vào năng lực kho bãi của cảng Antwerp. Đây là nơi có công suất kho bãi cà phê lớn nhất thế giới, lên tới 250 nghìn tấn trong một thời điểm nhất định. Cảng Zeebrugge là một điểm thông quan cà phê khác, cung cấp dịch vụ nhà kho kiểm soát

hiệt độ hiện đại và một sản phẩm phân phối cà phê nhân xanh khắp Châu Âu bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy.

Tháng 10/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU là 1.668 USD/tấn, giảm 2,7% so với tháng 9/2020 nhưng tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 10 tháng đầu năm, giá xuất khẩu cà phê bình quân đã tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2019, đạt mức 1.623 USD/tấn.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

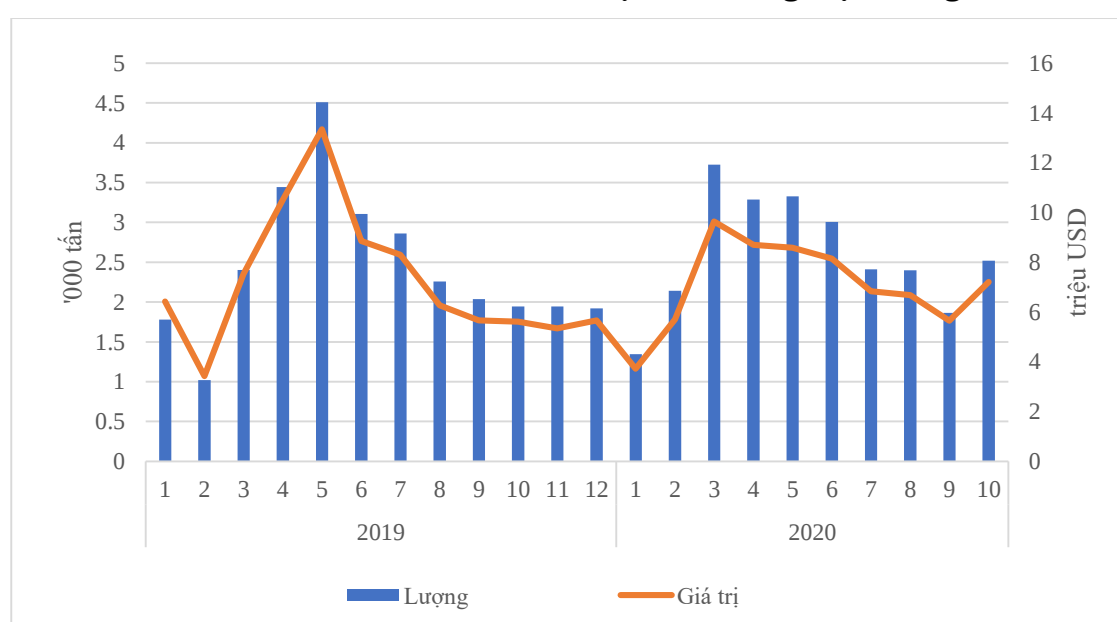
Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) chiếm 88,1%, giá trị 56,5 triệu USD, giảm 50,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cà phê chưa rang, đã khử caffein (mã HS 090112) giảm 26,5% về khối lượng và giảm 23,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ngược lại, cà phê đã rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) tăng mạnh 243,7% về khối lượng. Xuất khẩu cà phê hòa tan và tinh chất sang thị trường EU tiếp tục đà tăng từ năm 2019. Tháng 10/2020, cà phê hòa tan, tinh chất cà phê (mã HS 2101) đạt 1,1 nghìn tấn, giá trị 5 triệu USD, tăng 28,9% về khối lượng và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Từ cuối tháng 10/2020, thông tin bùng phát dịch Covid-19 lần thứ hai đã làm dấy lên sự lo ngại về sức tiêu thụ cà phê toàn cầu, đặc biệt là tại Châu Âu. Đức, thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất của Việt Nam tại EU đã kêu gọi người dân thực hiện giãn cách xã hội khẩn cấp kéo dài trong 1 tháng. Tuy nhiên, tình hình nhập khẩu cà phê tại Đức trong tháng 10 vẫn cho thấy những dấu hiệu khả quan do tăng cường nhập khẩu để chuẩn bị cho Lễ hội Giáng sinh truyền thống vào cuối năm 2020 và đầu năm 2021.

4. HỒ TIÊU

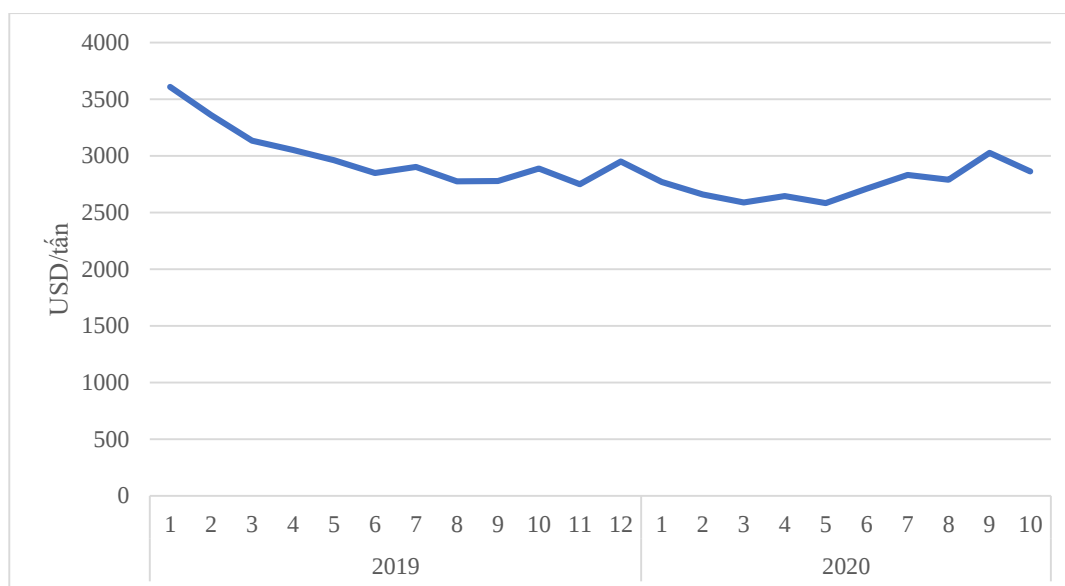
Trong tháng 10, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tăng mạnh cả về giá trị và sản lượng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, xuất khẩu đạt 2,5 nghìn tấn tương đương 7.2 triệu USD, tăng 35% về lượng và 28% về giá trị so với tháng 9 năm 2020. So với cùng kỳ năm 2019 thì tăng 30% về lượng và 28% về giá trị. Tính chung cả 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang EU đạt 26 nghìn tấn với giá trị 70,87 triệu USD tăng 3% về lượng nhưng giảm 7% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU trong tháng 10 cũng không mấy khả quan khi giảm 5% về mức 2.863 USD/tấn so với tháng 9 năm 2020. Cùng chung xu hướng giá giảm của hồ tiêu thế giới, và chịu áp lực dư cung từ đầu năm đến nay, giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân 10 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam chỉ đạt 2.722 USD/tấn, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 9: Giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường EU

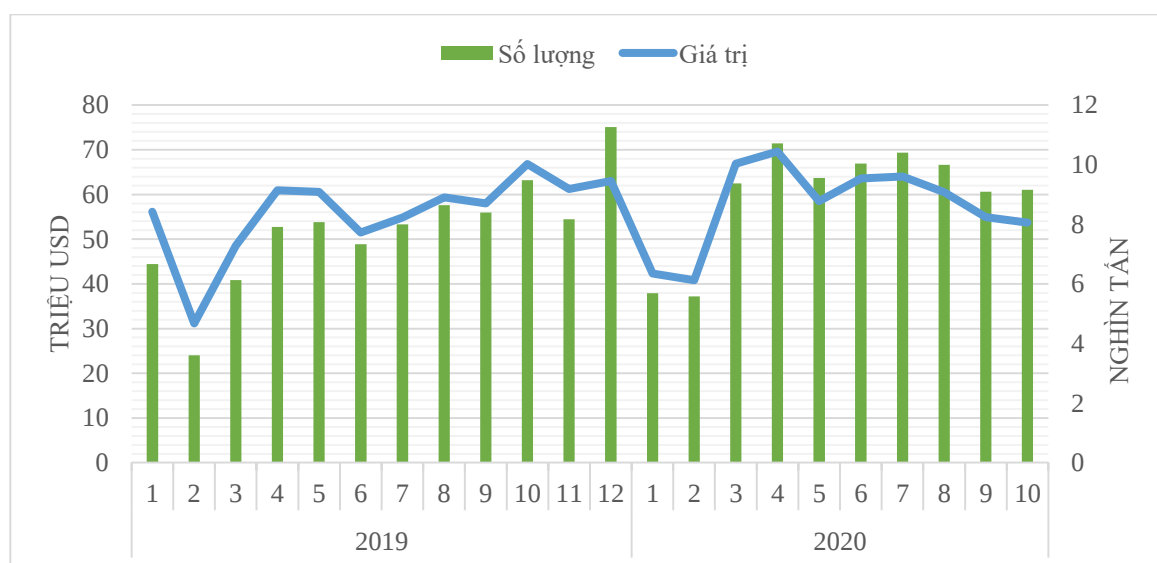
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Đức hiện vẫn là quốc gia nhập khẩu hồ tiêu nhiều nhất của Việt Nam trong khối EU, chiếm 37% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU. Xuất khẩu Hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường chính ở EU trong tháng 10 đều tăng cả về lượng và giá trị so với tháng 9 năm 2020. Cụ thể xuất khẩu sang Đức tăng 22% về lượng, 14% về giá trị; sang Hà Lan tăng 75% về lượng, 51% về giá trị và sang Pháp tăng 24% về lượng, 29 % về giá trị.

5. HẠT ĐIỀU

Trong 10 tháng đầu năm 2020, lượng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường EU vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan, mặc dù giá điều nhân tại thị trường này đang giảm sâu. Theo số liệu cập nhập của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu hạt điều trong 10 tháng đầu năm 2020 sang thị trường này đạt 91,9 nghìn tấn và 584,8 triệu USD, tăng 12% về khối lượng nhưng giảm 3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nhưng riêng trong tháng 10/2020 Việt Nam xuất khẩu điều nhân sang thị trường này mặc dù tăng nhẹ 2% về khối lượng nhưng giảm 1% về giá trị so với tháng 9/2020, giảm 15% về giá trị so cùng kỳ năm 2019, đạt 9,76 nghìn tấn, trị giá 56,5 triệu USD. Hiện nay tồn kho điều nhân ở EU vẫn còn lớn, đủ để cung cấp cho khách hàng có nhu cầu mua ngay, nên các nhà nhập khẩu điều nhân có xu hướng chờ đợi giá điều nhân xuống thấp.

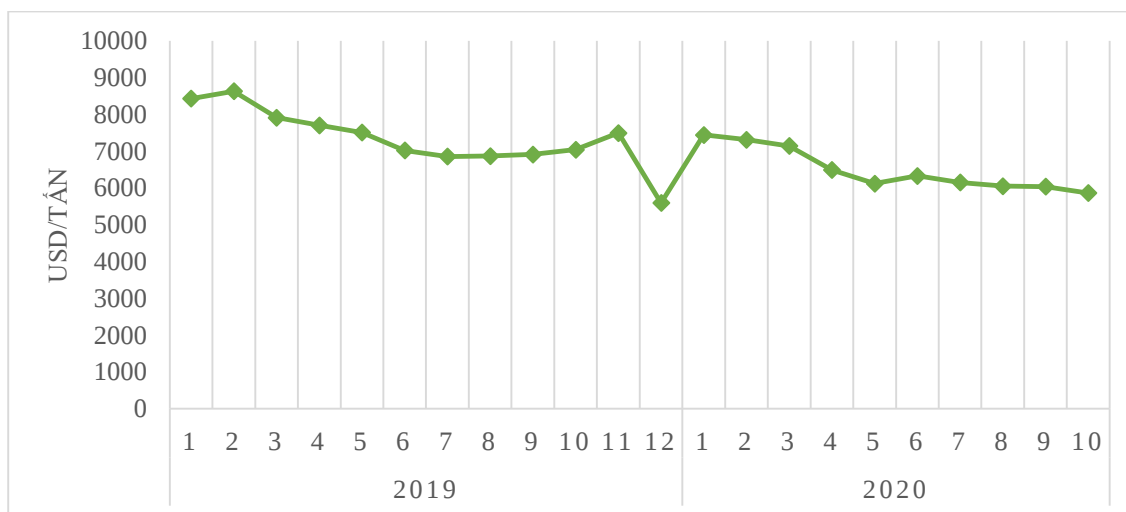
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường EU tiếp tục giảm trong tháng 10/2020 đạt 5.783 USD/tấn, giảm 3% so với tháng 09/2020, giảm 18% so với cùng kỳ năm 2019. Giá giao dịch điều nhân (FOB² HCM) đang giao động ở mức 6.283 đến 7.054 USD/tấn đối với mã W320, tùy từng nhà máy, mã W240 ở mức 7.385 đến 7.826 USD/tấn.

² FOB là giá tại cửa khẩu bên nước người bán, đã bao gồm chi phí vận chuyển ra cảng, làm thủ tục xuất khẩu, và thuế xuất khẩu (nếu có). Giá này không bao gồm chi phí vận chuyển đường biển, hay phí bảo hiểm đường biển.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nhờ tác động của hiệp định EVFTA, những sản phẩm chế biến sâu từ điều nhân đã được giảm thuế xuống còn 0%, trước khi hiệp định có hiệu lực điều chế biến của Việt Nam xuất sang thị trường EU vẫn phải chịu mức thuế từ 7% đến 12%. Một điểm đáng chú ý là trong điều khoản của hiệp định EVFTA về quy tắc xuất xứ thuần túy đối với điều nhân xuất khẩu của Việt Nam (mã HS 0801), tức là 100% nguồn điều thô nguyên liệu có xuất xứ từ thị trường Việt Nam. Tuy vậy, với những sản phẩm điều chế biến sâu EVFTA không yêu cầu xuất xứ thuần túy. Nhưng hoạt động gia công chế biến cần phải thực hiện tại lãnh thổ của nước thành viên ở cấp độ chế biến sâu (sử dụng kỹ năng đặc biệt, máy móc, thiết bị chuyên dụng,...). Nhờ đó dù chịu tác động đáng kể từ dịch bệnh nhưng sản lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này sụt giảm không đáng kể.

Khi thuế suất nhập khẩu được xóa bỏ các nhà nhập khẩu sẽ được hưởng lợi từ việc giảm chi phí, đồng thời giá bán tại thị trường nhập khẩu cũng sẽ được điều chỉnh, điều này sẽ thúc đẩy chuyển dịch nhu cầu từ các mặt hàng điều thuộc các quốc gia không được ưu đãi về thuế sang điều Việt Nam.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong những tháng qua, dịch tả lợn châu Phi lan sang châu Âu đã gây trở ngại cho hoạt động xuất khẩu của các nước liên minh châu Âu (EU). Đức - quốc gia sản xuất thịt heo hàng đầu Liên minh châu Âu (EU) - không thể xuất khẩu thịt sang các thị trường hàng đầu châu Á vì đợt bùng phát dịch tả heo châu Phi hồi tháng 9. Cùng với đó, cuộc khủng hoảng vì dịch Covid-19 cũng khiến nhiều nhà hàng Schnitzel bán thịt heo và xúc xích đóng cửa. Giá heo xuất chuồng tại Đức sụt giảm 40% so với tháng 3. Trong khi đó, giá thịt rơi xuống mức thấp nhất kể từ năm 2016. Mặc dù nhiều nước châu Âu đã hưởng lợi khi nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc tăng kỷ lục. Tuy nhiên, một số khác cũng đối mặt với những trở ngại như việc tiêu thụ chậm chạp vì ảnh hưởng của dịch tả heo châu Phi khiến hàng trăm nghìn con heo bị tồn ở các trang trại của Đức. Theo hiệp hội nông dân chăn nuôi tại Đức, mỗi nông dân Đức lỗ khoảng 60 euro (71 USD) trên mỗi con heo. Một số có thể phải ngừng hoạt động kinh doanh nếu không được chính phủ hỗ trợ.

Trong tháng qua cũng ghi nhận đợt bùng phát dịch cúm gia cầm ở nhiều quốc gia thuộc liên minh Châu Âu, đúng vào thời điểm sắp đến mùa lễ cuối năm khi người châu Âu tiêu thụ nhiều gia cầm nhất trong năm. Dịch cúm gia cầm đang lây lan nhanh khiến ngành chăn nuôi gia cầm của khu vực rơi vào cảnh khó khăn với hàng triệu gia cầm bị tiêu hủy, gây thiệt hại kinh tế lớn. Các trường hợp mắc cúm gia cầm đã được phát hiện tại Pháp, Hà Lan, Đức, Anh, Bỉ, Đan Mạch, Ireland, Thụy Điển, mới đây nhất là Croatia, Slovenia và Ba Lan, sau khi gây ảnh hưởng nghiêm trọng tại Nga, Kazakhstan và Israel.

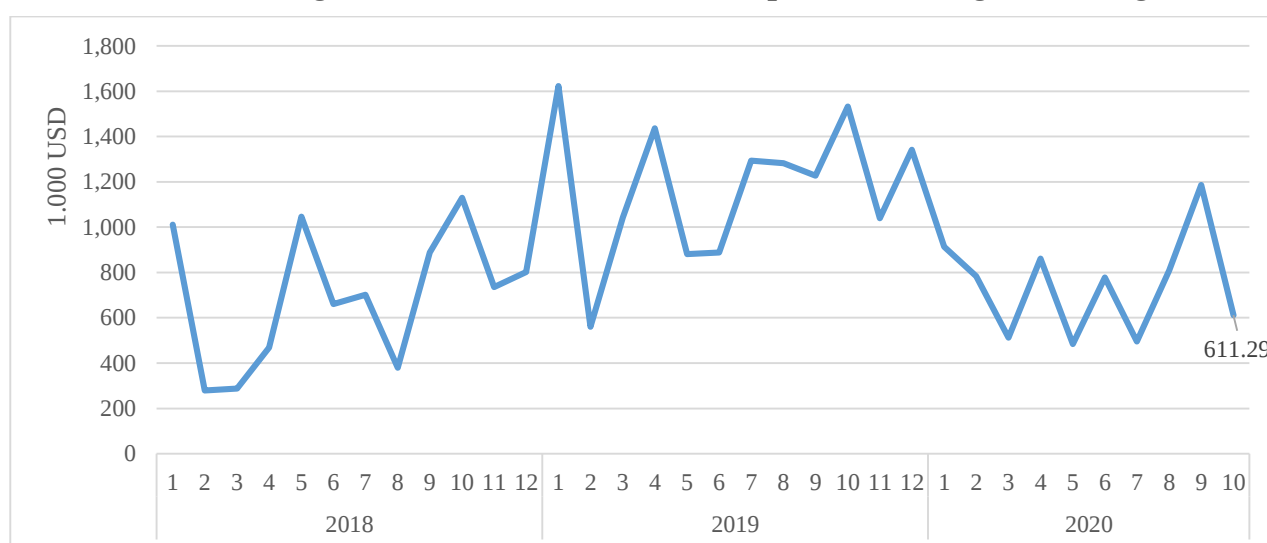
Tại Hà Lan, nhà xuất khẩu thịt gà và trứng lớn nhất châu Âu, ước tính gần 500.000 con gà đã chết hoặc bị tiêu hủy do dịch bệnh vào mùa Thu này. Riêng trong tuần cuối tháng 11, hơn 900.000 con gà tại một trong trại của Ba Lan đã chết do cúm gia cầm.

Hà Lan đang phải phong tỏa chống dịch COVID-19 từ giữa tháng 10. Đầu tháng 11, gà nuôi ở Hà Lan cũng bị phong tỏa. Nước này vừa phải tiêu hủy 215.000 con gà do dịch cúm gia cầm đang lan rộng và nhanh, tới mức các nước lân cận Hà Lan cũng phải tính đến việc cách ly các trang trại gia cầm. Từ ngày 6/11, tất cả các trang trại chăn nuôi tại Đan Mạch được lệnh phải nhốt gia cầm trong chuồng kín, không để gà vịt tiếp xúc được với chim

trời. Pháp cũng đã ban hành lệnh phong toả trong tháng này đối với các trang trại gia cầm tại 46 tỉnh, nơi chim di cư bay qua.

Giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường EU tháng 10 năm 2020 đạt 611,3 triệu USD, chiếm 4,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 48,5% so với tháng trước và giảm 59,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 1,52 triệu USD). Tính chung 10 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường này đạt 7,4 triệu USD, giảm 36,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 11,7 triệu USD).

Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt sang thị trường EU



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan

Ba doanh nghiệp đứng đầu xuất khẩu trong tháng 10/2020 sang thị trường EU là công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển Khi Việt Nam (chiếm 34,1%); Công Ty TNHH Chế biến Thực phẩm Thương mại Ngọc Hà (29,1%); Công ty Cổ phần Việt Long Sài Gòn (17,1%). Các mặt hàng thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 10/2020 gồm có đùi ếch đông lạnh (giá trị 394,6 nghìn USD, chiếm 64,5%); một số động vật sống như khi đuôi dài, bò sát (kỳ tôm), tổng trị giá khoảng 209,6 nghìn USD, chiếm 34,29%; còn lại là sản phẩm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác đông lạnh (chiếm 1,16%).

Trong tháng 10/2020, các sản phẩm thịt từ thị trường EU nhập khẩu vào Việt Nam giảm, giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt đạt 23,28 triệu USD, chiếm 11,5% giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng này, giảm 30% so với tháng trước và tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2019. Các sản phẩm nhập nhiều nhất trong tháng là thịt lợn đông

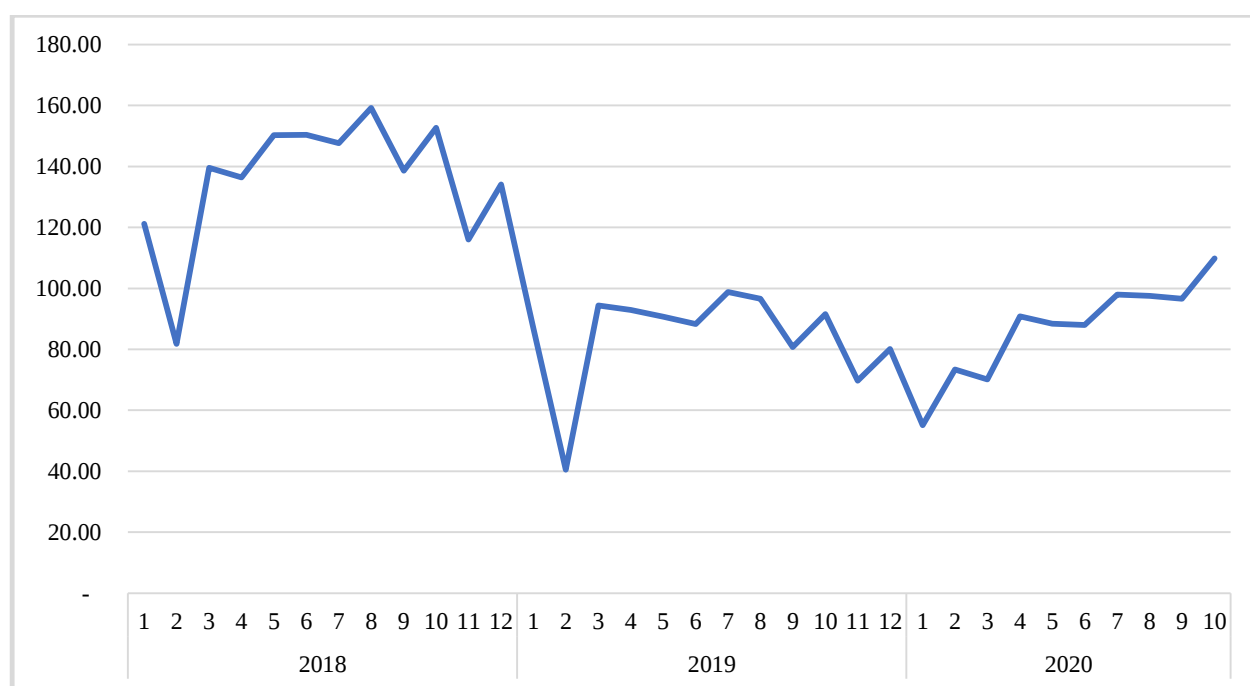
lạnh, đạt 7,67 triệu USD (chiếm 32,97%); Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò, đạt 7,64 triệu USD (chiếm 32,81%); Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh, đạt 4,22 triệu USD (chiếm 18,12); còn lại là mỡ động vật và các sản phẩm từ thịt và động vật sống khác, tổng giá trị đạt khoảng 3,75 triệu USD, chiếm 16,1%.

7. THỦY SẢN

Theo trung tâm xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI), nhiều quốc gia tiêu thụ sản phẩm thủy sản lớn của Châu Âu như Italy, Pháp và Tây Ban Nha do bị ảnh hưởng bởi COVID-19. Đại dịch không chỉ tác động đến các công ty nhập khẩu mà còn ảnh hưởng đến cả ngành chế biến thủy sản do các nhà máy giảm công suất làm việc trong bối cảnh đất nước áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội. Tuy nhiên, Châu Âu vẫn là một trong những thị trường tiềm năng tiêu thụ thủy sản của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Năm 2019, Nam Âu nhập khẩu 9,3 tỷ USD các sản phẩm thủy sản từ các nước đang phát triển, chiếm 82% tổng kim ngạch nhập khẩu từ bên ngoài Liên minh châu Âu (11,4 tỷ USD); Bắc Âu nhập khẩu hơn 5 tỷ USD các sản phẩm thủy sản từ các quốc gia đang phát triển, chiếm 72,4% tổng kim ngạch nhập khẩu từ bên ngoài Liên minh Châu Âu (6,9 tỷ USD); Đông Âu nhập khẩu các sản phẩm thủy sản trị giá 550 triệu USD từ các quốc gia đang phát triển, chiếm 52% tổng kim ngạch nhập khẩu từ bên ngoài Liên minh Châu Âu (1 tỷ USD).

Hội đồng Bộ trưởng các quốc gia Châu Âu sắp thông qua quy định mới đặt ra hạn ngạch thuế quan tự chủ (ATQs) đối với một số sản phẩm thủy sản trong giai đoạn 2021-2023. Quy định này bao gồm các loài như cá ngừ, cá minh thái Alaska, cá tuyết, cá flatfish và tôm. Theo đó, EU có thể nhập khẩu một khối lượng lớn các loài này từ các quốc gia không thuộc EU với mức thuế nhập khẩu giảm hoặc bằng 0.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 109,80 triệu USD, tăng 19,95% so cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU chiếm 11,95% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 867,68 triệu USD, tăng 0,76% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 58,52%; cá ngừ chiếm 15,15%.

Hình 13 : Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU

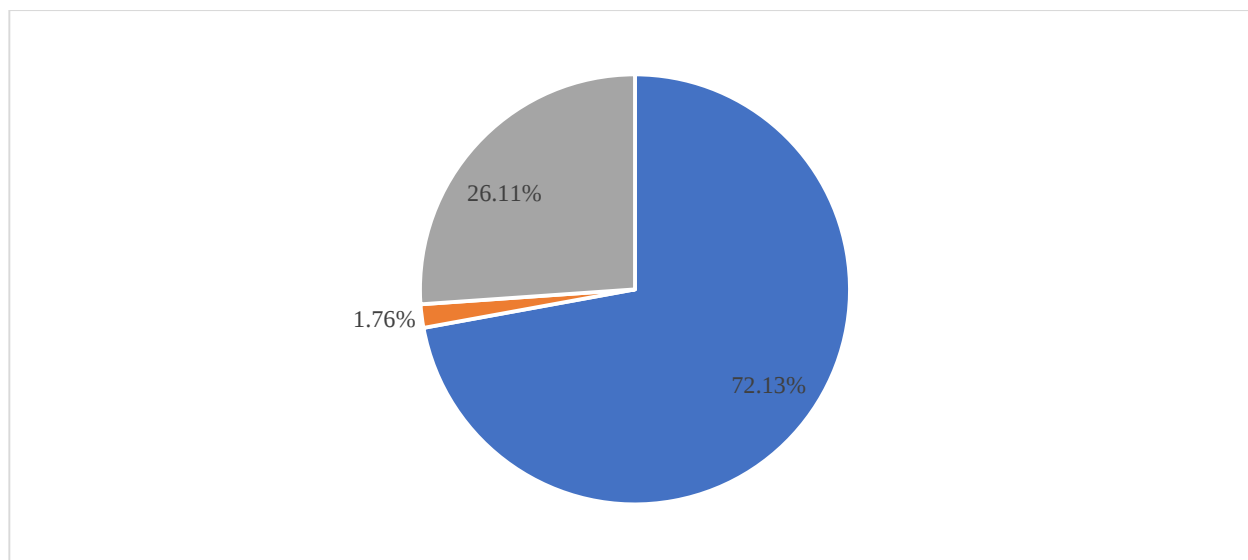
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 10 năm 2020 đạt 64,25 triệu USD, tăng 41,84% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 10 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 483,78 triệu USD, tăng 20,34% so với cùng kỳ năm 2019.

Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 10/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 53,72 triệu USD, chiếm 83,61% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 44,02 % so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 7,74 triệu USD, chiếm 12,04%, tăng 26,54%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 2,80 triệu USD, chiếm 4,35%, tăng 48,27%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 10/2020 đạt 8,87 triệu USD, chiếm 8,07% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 22,07% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,28 triệu USD, giảm 19,70%; Cá tra phi-lê đạt 8,21 triệu USD, giảm 22,65%; Cá tra chế biến đạt 0,37 triệu USD giảm 9,17%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 16,64 triệu USD, chiếm 15,15% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 28,66% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 4,13 triệu USD, tăng 27,45%; cá ngừ chế biến gần 12 triệu USD, tăng 59,84%; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,29 triệu USD, giảm 85,47%.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 10/2020

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU như sau: Mực và bạch tuộc đạt 5,50 triệu USD, giảm 14,72%; Cua và ghẹ đạt 0,87 triệu USD, tăng 42,37 lần; Các loại thủy sản khác đạt 13,71 triệu USD, giảm 11,32% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 10/2020 đạt trung bình 8,62 USD/kg tăng 15,99% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,30 USD/kg, giảm 20,04% ; Cua-ghẹ đạt 9,64 USD/kg, giảm 3,88%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 9,37USD/kg, giảm 6,26% so với cùng kỳ 2019.

Tháng 10 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH cá ngừ Việt Nam đạt 8,36 triệu USD chiếm 7,61% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau đạt 8,18 triệu USD, chiếm 7,45%; Công ty cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt 6,29 triệu USD, chiếm 5,73%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Thị trường EU là thị trường xuất khẩu thứ 5 cho gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và chiếm 4.1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 10/2020 chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể so với tháng trước. Kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam trong tháng 10 ước đạt 44,8 triệu USD, tăng 38.4% so với tháng trước. Tuy vậy, tính chung 10 tháng năm 2020, xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường EU ước đạt 384,03 triệu USD, giảm khoảng 6,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Một số mặt hàng chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong tháng 10 so với tháng trước đó: Đồ gỗ nội, ngoại thất (tăng 11,4 triệu USD tương đương 36,8%); Gỗ xây dựng, panel gỗ (tăng hơn 500 nghìn USD, tương đương 26,8%); Sản phẩm bằng gỗ khác tăng 13,3%. Trong khi một số mặt hàng chứng kiến sự giảm sút đáng kể như: Gỗ dán (giảm 264 nghìn USD, tương đương giảm 41%); Than củi (giảm 95 nghìn USD, tương đương giảm 62.6%); Phụ kiện gỗ trong xây dựng (giảm 75 nghìn USD, tương đương giảm 7,8%)...

Hình 15: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường EU

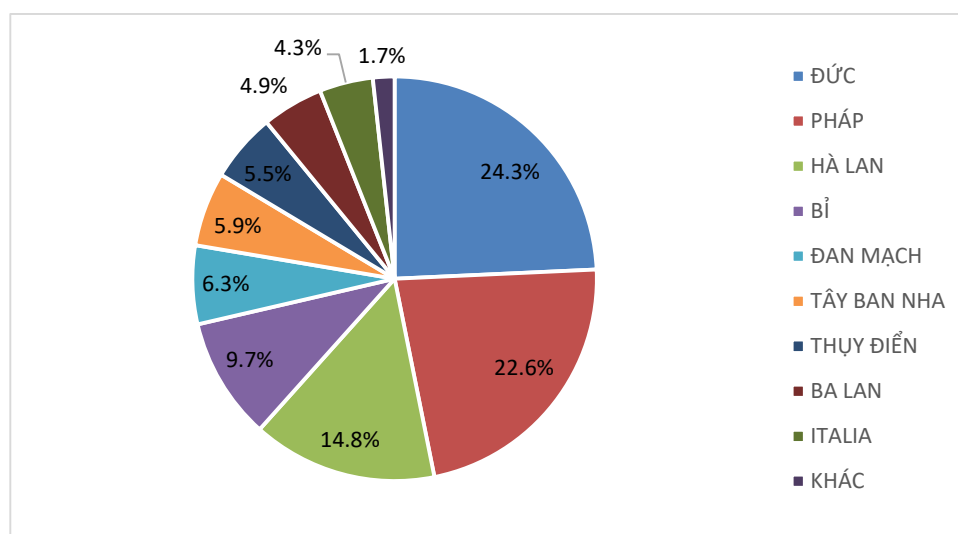


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối EU (27 quốc gia), 4 quốc gia nhập khẩu Gỗ & SP gỗ chính của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 là Đức, Pháp, Hà Lan và Bỉ (tổng kim ngạch của 4 thị trường này ước đạt 274,4 triệu USD, tương đương 70,6% tổng kim ngạch gỗ & SP gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào khối EU), cụ thể: thị trường Đức kim ngạch ước đạt 93,3 triệu USD tương đương 24,3%, thị trường Pháp kim ngạch ước đạt 86,7 triệu USD tương đương 22,6%, thị

trường Hà Lan kim ngạch ước đạt 56,8 triệu USD tương đương 14,8%, thị trường Bỉ kim ngạch ước đạt 37,5 triệu USD tương đương 9,8%.

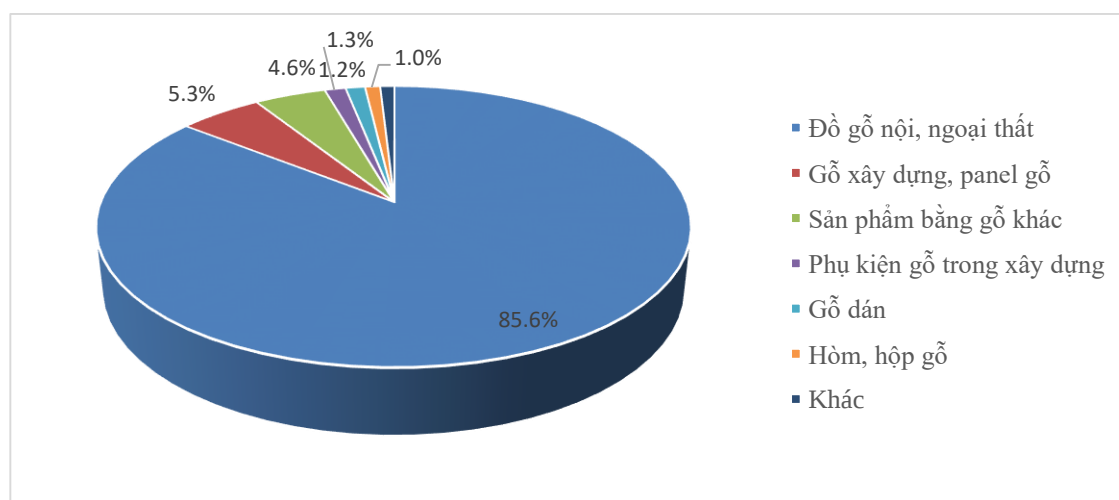
Hình 16: Thị trường chính nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong khối EU của Việt Nam trong 10 tháng năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu các mặt hàng: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang EU trong 10 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là đồ gỗ nội thất, ngoại thất (ghế có khung gỗ, nội thất văn phòng, nội thất phòng bếp, nội thất phòng ngủ, nội thất bằng gỗ khác, bộ phận đồ gỗ) chiếm 85,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là gỗ xây dựng, ván gỗ (chiếm 5,3% tổng kim ngạch), sản phẩm bằng gỗ khác (chiếm 4,6% tổng kim ngạch) còn lại là các mặt hàng khác như phụ kiện gỗ trong xây dựng, gỗ dán, hòm, hộp gỗ...

Hình 17: Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU 10 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Hiện nay nhiều quốc gia Châu Âu vẫn đang tiếp tục các biện pháp phong tỏa để phòng dịch Covid-19 tái bùng phát mạnh và dự kiến biện pháp này sẽ được kéo dài đến ít nhất hết mùa đông năm nay. Việc phong tỏa khiến cho nhu cầu tích trữ lương thực tăng cao. Thêm vào đó, dịp lễ Giáng sinh và Năm mới sắp đến, nên nhu cầu dự kiến sẽ tăng rất mạnh từ giờ cho đến hết năm 2020.

2. Điều

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong ba tháng cuối năm sang thị trường EU sẽ tăng để phục vụ nhu cầu tiêu dùng các dịp lễ cuối năm. Bên cạnh đó, giá điều nhân dự kiến sẽ tăng do nguồn cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều, các nhà chế biến cũng rất thận trọng trong việc nhập điều thô, vì giá điều thô hiện tại không cân đối được với giá điều nhân.

3. Cà phê

Mặc dù đại dịch Covid-19 đang gây khó khăn cho nền kinh tế, nhưng cà phê vẫn là mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại thị trường EU. Cùng với sự hỗ trợ từ Hiệp định EVFTA, cà phê Việt Nam hứa hẹn sẽ nâng cao giá trị trong thời gian tới.

4. Thủy sản

Dịch Covid - 19 vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và Châu Âu nói riêng. Bên cạnh những tác động tiêu cực, Covid -19 đã làm thay đổi xu hướng tiêu dùng. Một số loại sản phẩm có xu hướng tiêu dùng tăng như các sản phẩm đã qua chế biến và các sản phẩm đông lạnh do người tiêu dùng cảm thấy an tâm hơn khi sử dụng các sản phẩm này. Một số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường này đang có xu hướng tăng trưởng tốt như tôm, cá ngừ, mực và bạch tuộc. Trên thị trường EU, các nhà hàng, dịch vụ thực phẩm đang từng bước mở cửa trở lại. Trong khi đó, doanh số bán lẻ hoặc online tiếp tục tăng và nhu cầu tiêu thụ đối với các sản phẩm trên cho phân khúc bán lẻ sẽ lớn hơn để chuẩn bị cho các kỳ nghỉ lễ cuối năm. EU là thị trường có tỷ suất lợi nhuận tốt nên các doanh nghiệp cần có kế hoạch cụ thể để nâng cao giá trị xuất khẩu sang thị trường này.

5. Hồ tiêu

Trong tháng 10, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tăng mạnh cả về giá trị và sản lượng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên giá xuất khẩu hồ tiêu

tháng 10 cũng không mấy khả quan khi giảm 5% so với tháng 9 năm 2020. Dịch bệnh tại châu Âu vẫn diễn biến khá phức tạp. Làn sóng lây nhiễm mới tại châu Âu rất đáng lo ngại khi hơn 50% các nước Liên minh châu Âu (EU) đang ở mức cảnh báo đỏ về Covid-19. Một số nền kinh tế hàng đầu châu Âu như Đức, Anh và Italy đang nỗ lực đẩy mạnh các biện pháp phòng dịch với hy vọng sẽ tránh được việc phải áp đặt lệnh phong tỏa trên diện rộng. Dự báo xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU từ nay đến cuối năm sẽ khó tăng trưởng mạnh do chịu áp lực từ dịch bệnh Covid-19.

6. Cao su

Hiệp định EVFTA có hiệu lực và việc tích cực đối phó với dịch bệnh Covid-19 có khả năng bùng phát, trong ngắn hạn có thể xuất khẩu cao su của Việt Nam sang EU gia tăng. Tuy nhiên, trong dài hạn, mức độ xuất khẩu còn phụ thuộc rất lớn vào việc phục hồi kinh tế các nước EU.

7. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Trong nhóm các nước nhiệt đới xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất vào thị trường EU chỉ có Việt Nam giữ vững được giá trị xuất khẩu vào thị trường này (chỉ giảm 1% so với năm 2019) trong khi các nước khác trong khu vực giảm mạnh (Thái Lan giảm 29%, Malaysia giảm 22%, Indonesia giảm 10% và Philippines giảm 9%) cho thấy tính cạnh tranh mặt hàng này của Việt Nam vào thị trường EU so với các đối thủ trong khu vực tốt hơn.

Trong các tháng tới, thị trường EU về gỗ & SP gỗ có tiếp tục có xu hướng phục hồi khi GDP của các nước trong khối theo dự báo của Barclays tăng trưởng trở lại (khoảng 11.5% q/q trong quý 3), bên cạnh đó lực mua cũng tăng do tỷ giá đồng euro trên thị trường quốc tế tăng, cụ thể tỷ lệ euro/dolar tăng từ dưới 1.10 đến gần 1.20 trong khoảng tháng 5 đến tháng 8. Ngoài ra với nhiều dịp lễ hội cuối năm nên dự báo nhu cầu của người tiêu dùng sẽ có xu hướng tăng.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 10/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 10/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T9/2020	Tăng /giảm so T10/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	59,736,363	-7.86%	2.06%	17.64%
2	Cao su	12,286,582	44.72%	35.33%	3.63%
3	Chè	148,089	0.57%	66.42%	0.04%
4	Gạo	4,815,358	177.21%	61.22%	1.42%
5	Gỗ &SPG	44,829,336	38.39%	0.36%	13.24%
6	Rau quả	17,030,178	52.60%	46.27%	5.03%
7	Thủy sản	109,802,725	18.52%	0.63%	32.42%
8	Hạt điều	53,119,965	-2.74%	-17.96%	15.68%
9	Hạt tiêu	7,209,969	27.67%	28.50%	2.13%
10	Mây tre đan	15,325,665	27.85%	48.32%	4.52%
11	SP từ cao su	13,785,429	22.60%	76.89%	4.07%
12	Thịt và SP từ thịt	611,288	-48.46%	-59.79%	0.18%
Tổng XKNLTS		338,700,947.23	14.39%	3.86%	100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 10/2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 10/2019		Tháng 10/2020		So sánh 2020/19 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	3.869	2.091.630	6.483	4.082.064	67,6%	95,2%
2	Gạo Japonica	172	102.993	715	411.773	314,7%	299,8%
3	Các loại gạo khác	1.901	792.158	374	321.522	-80,3%	-59,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 10/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2019	Tháng 10/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T10.2020/T10.2019
	Tổng giá trị XK	11,642,910	17,030,178	46.3%
1	Chanh	3,011,914	5,900,412	95.9%
2	Xoài	592,839	1,796,078	203.0%
3	Thanh long	907,831	1,402,847	54.5%
4	Sầu riêng	16,614	717,328	4217.5%
5	Nấm các loại	483,889	663,559	37.1%
6	Dứa	221,836	487,696	119.8%
7	Gừng	154,352	200,666	30.0%
8	Khác	6,253,635	5,861,594	-6.3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang EU tháng 10/2020

TT	Sản phẩm	T10/2019	T10/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T10.2020/T10.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	1.520.095,2	611.288,1	-59,8%
1	Đùi ếch đông lạnh	1.344.616,7	394.616,1	-70,7%
2	Động vật sống khác	172.770,0	209.600,0	21,3%
3	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)	1.938,5	7.072,1	264,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 10 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 10/2019 (USD)	Tháng 10/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	91.538.080,83	109.802.724,63	19,95%
Cá tra	12.933.539,65	16.639.896,58	28,66%
Cua - ghẹ	11.376.880,54	8.865.708,35	-22,07%
Mực và bạch tuộc	19.710,00	835.126,22	4137,07%
Tôm sú	6.445.927,63	5.497.383,14	-14,72%
Tôm thẻ chân trắng	6.114.168,84	7.737.030,42	26,54%
Tôm loại khác	37.301.605,63	53.721.624,40	44,02%
Thủy sản khác	1.885.633,82	2.795.838,70	48,27%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang EU

TT	Loại sản phẩm	Tháng 10/2019		Tháng 10/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Tổng xuất khẩu		16.872.003		26.072.011		54,53
	Cao su	6.960	9.078.754	9.178	12.286.582	31,87	35,33
	Sản phẩm cao su		7.793.249		13.785.429		76,89

Nguồn: Tổng cục Hải quan